

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 64/2018/HSPT
Ngày: 29/5/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÂM VƯƠNG MỸ LINH

Các Thẩm phán: 1/ Bà LÊ THÚY PHƯỢNG

2/ Ông PHẠM ĐÌNH THANH

- *Thư ký phiên tòa:* Bà PHẠM LÊ TRÚC QUỲNH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông PHẠM BAI - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 60/2018/HSPT ngày 10 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THỊ T - Sinh năm 1973 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Số 27 đường N1, phường N2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 0/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn T1 và bà: Thị T2

Chồng: Lê Hồng T3 – sinh năm 1971, có hai con sinh năm 1991 và 1999

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là nhân viên tạp vụ tại nhà nghỉ H (địa chỉ 120/42A đường K1, phường K2, thành phố N) từ ngày 01/9/2016. Từ tháng 10/2017, trong quá trình dọn dẹp tại phòng 103, T phát hiện chị A và chị B – Quốc tịch Trung Quốc để tiền trong tủ quần áo, chìa khóa tủ để trên bàn nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đến 13 giờ 30 phút ngày 08/12/2017, thấy chị A và chị B đóng cửa phòng đi ra ngoài, T đến quây lể tân lấy chìa khóa phòng 103 lên mở khóa lên vào trong phòng, phát hiện 1 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng xám 32GB của chị B và

một máy nghe nhạc Ipod của chị A để trên bàn, T lấy cất giấu trong người. Tiếp đó, T lấy chìa khóa tủ để trên bàn đến mở khóa tủ lục bên trong tìm lấy trộm 1 ví nữ bằng vải màu sọc trắng đỏ của chị A, bên trong có 36 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 1.500 nhân dân tệ, 203 USD, 1 passport và thị thực mang tên A; 01 ví nữ màu nâu da của chị B bên trong có 64 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 1.168 nhân dân tệ. Sau đó, T dùng dao cạy phá khóa tủ quần áo để tạo hiện trường giả, rồi mang tất cả tài sản trộm cắp được về nhà tại 27 đường Kiến Thiết, phường Phước Hòa, thành phố N cất giấu.

Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ tài sản trộm cắp trên tại số nhà số 27 đường N1, phường N2, thành phố N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 443/HĐĐG ngày 12/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố N kết luận 01 điện thoại Iphone 6 - 32GB có giá trị: 4.495.000 đồng, 1 ví nữ bằng vải sọc trắng đỏ kích thước 10x20cm có giá trị 70.000 đồng, 1 máy nghe nhạc Ipod và một ví nữ Louis Vuiton bằng vải màu không đủ thông tin. Tổng giá trị tài sản định giá là 4.565.000 đồng. Tỷ giá ngoại tệ ngày 08/12/2017: 1 nhân dân tệ = 3.309,9 VNĐ, 1 USD = 22.452 VNĐ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 67.953.569 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ điểm e khoản 2 điều 138, điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Thị T 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 09/12/2017 đến ngày 15/12/2017.

Ngày 26/02/2018, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo được bị cáo nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố N vào ngày 26/02/2018. Theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc

thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định rằng, vào ngày 08/12/2017, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản có giá trị 67.953.569 đồng của người bị hại A và B (Quốc tịch Trung Quốc). Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo:

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Sau khi hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra, bị cáo đã chủ động giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N toàn bộ số tài sản bị cáo trộm cắp được của người bị hại A và B mà bị cáo đang cất giấu tại nhà. Tuy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định việc bị cáo tự nguyện trả lại số tài sản đã trộm cắp cho người bị hại là tình tiết bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả của tội phạm, đồng thời nhận định người bị hại trong vụ án là A và B có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng không áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại phần quyết định của bản án là có thiếu sót, cần phải rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo mức hình phạt 2 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo thành tâm hối cải, thành khẩn khai báo và nộp lại hết tài sản trộm cắp được, là những tình tiết đã được xem xét ở cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN THỊ T 02 (hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 09/12/2017 đến ngày 15/12/2017.

2/ **Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an TP N
- VKSND TP N
- Chi cục THADS TP N
- TAND TP N
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo + Người TGTT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH